

Biểu tượng nước trong đời sống văn hóa của người Thái ở Tây Bắc

The symbol of water in the cultural life of the Thai ethnic group in the northwest of Vietnam

Lê Thị Hải^{a,b*}

Le Thi Hai^{a,b*}

^a*Viện Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ Cao, Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng, Việt Nam*

^a*Institute of Research and Development, Duy Tan University, Da Nang, 550000, Vietnam*

^b*Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng, Việt Nam*

^b*Faculty of Social Sciences and Humanities, Duy Tan University, Danang, 550000, Vietnam*

(Ngày nhận bài: 20/01/2021, ngày phản biện xong: 25/01/2021, ngày chấp nhận đăng: 10/02/2021)

Tóm tắt

Bài viết bước đầu diễn giải biểu tượng nước trong đời sống văn hóa của người Thái ở Tây Bắc từ góc độ văn hóa học. Theo đó, nước trong đời sống văn hóa người Thái được nhận diện từ các khía cạnh văn hóa, hàm chứa triết lý nhân sinh. Qua khảo cứu biểu tượng nước, chúng ta thấy được những giá trị văn hóa của người Thái trong bức tranh văn hóa đa sắc tộc người của văn hóa Việt Nam - một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng; thấy rõ một di sản quý giá trong nền văn hóa nước nhà; thấy được tâm thức văn hóa của cộng đồng dân tộc Thái trong lòng Việt Nam; cũng như nét riêng biệt trong tâm thức văn hóa của dân tộc Thái ở Tây Bắc: đời sống, tâm tư, khát vọng và triết lý về cuộc đời của người Thái ở Tây Bắc trên suốt chặng đường lịch sử. Bằng phương pháp nghiên cứu văn hóa học, liên ngành và điền dã, khảo sát,... người viết đã thu được một số kết quả: từ mạch ngầm của văn hóa Việt Nam, nước trong đời sống dân tộc Thái được cảm nhận như một khách thể thẩm mỹ, một biểu tượng sống động, lắng đọng bao triết lý nhân sinh về tình đời, tình người.

Từ khóa: Biểu tượng; văn hóa; nước; người Thái; Tây Bắc.

Abstract

The article initially interprets the symbol of water in the culture of Thai ethnic people living in the Northwest of Vietnam from the profundity of cultural perspective. Accordingly, water in Thai cultural life is identified from cultural aspects, containing the philosophy of human life. Through research on water symbols, we can see the cultural values of Thai people in Vietnamese multi-ethnic community - a unified culture in diversity; a valuable legacy in the culture of the country; the cultural consciousness of the Thai ethnic community in the heart of Vietnam; as well as the distinct characteristics of the cultural perception of the Thai people in the Northwest: life, thoughts, aspirations, and philosophy of Thai life in the Northwest throughout the history. By the method of cultural studies, interdisciplines and fieldwork, surveys, etc, the writer has obtained a number of results such as: from the underground circuit of Vietnamese culture, the water symbols in Thai ethnic life as an aesthetic object and a living symbol, depositing many human philosophies about life and human love.

Keywords: Symbols; cultural; water; Thai ethnic group; Northwest Vietnam.

* *Corresponding Author:* Le Thi Hai; Institute of Research and Development, Duy Tan University, Da Nang, 550000, Vietnam; ^bFaculty of Social Sciences and Humanities, Duy Tan University, Danang, 550000, Vietnam

Email: lethihaituan@gmail.com

1. Khái niệm biểu tượng

Jean Chevalier và Alain Gheerbrant, tác giả của cuốn sách *Từ điển Biểu tượng văn hóa thế giới* đã phát biểu: “Nói chúng ta sống trong một thế giới biểu tượng thì vẫn còn chưa đủ, phải nói một thế giới biểu tượng sống trong chúng ta” [1, Tr.XIV]. Vậy, biểu tượng là gì?

Thuật ngữ biểu tượng (Symbol) bắt nguồn từ tiếng Hi Lạp “Symbolon” nghĩa là dấu hiệu để nhận ra nhau. Từ một chỉnh thể - một vật được chia tách ra làm hai nửa, mỗi bên giữ một nửa. Khi chúng ta đem hai nửa đó khớp lại với nhau mà vừa khít thì khi đó chúng ta nhận ra mối quan hệ của vật. Có thể coi, nó là dấu hiệu nhận biết và phân biệt các nền văn hóa khác nhau trên thế giới nói chung, tộc người nói riêng. Tùy thuộc vào văn hóa riêng của mỗi quốc gia, mỗi tộc người, mỗi vùng miền mà cùng một vật nhưng lại mang nét nghĩa khác nhau. Do vậy, muốn giải mã được một biểu tượng đòi hỏi người giải mã phải có kiến thức nền vững chắc; phải tìm ra và lí giải được phần chìm (cái được biểu trưng) chứa trong phần nổi (cái biểu trưng) từ mạch ngầm văn hóa. Chẳng hạn, cùng một biểu tượng mèo: người Nhật Bản xem đó là biểu tượng của sự may mắn. Họ thường trưng Maneki Neko (mèo thần tài) trong cửa tiệm để mong muốn được mua may bán đắt. Còn theo quan niệm của người Việt Nam, con mèo lại mang ý nghĩa là tai ương và xui xẻo. Người Việt có câu: “Mèo đến nhà thì khó, chó đến nhà thì sang”. Tương tự, con quạ trong tiềm thức người Việt: tiếng quạ kêu báo điềm dữ. Nhưng với Triều Tiên và Nhật Bản thì quạ lại biểu trưng cho điều tốt đẹp.

Biểu tượng được hình thành trong một quá trình lâu dài, có tính ước lệ và bền vững. Nó là vật môi giới giúp ta tri giác cái bất khả tri giác. Có thể nói, biểu tượng chính là một loại hình ngôn ngữ - kí hiệu (sign). Biểu tượng có xu hướng liên thông với tín hiệu. Nó chính là cái kí hiệu dẫn ta đến với cái khó có thể nhìn

thấy được, nhưng nếu đã là biểu tượng chắc chắn nó đại diện cho các khía cạnh bản chất nào đó của văn hóa một cộng đồng. L.White - nhà nhân học văn hóa Mỹ nhận định: “Văn hóa là cơ chế của các hiện tượng, vật thể, hành động, tư tưởng, cảm xúc. Cơ chế này được tạo ra nhờ việc sử dụng các biểu tượng, hoặc phụ thuộc vào các biểu tượng đó” [7, Tr.65].

Nếu như các nhà Phân tâm học hiểu biểu tượng là: “Nó không chỉ là những mảnh nhỏ của vô thức cá nhân mà là một nguồn mạch chi phối toàn bộ đời sống tinh thần của cộng đồng, của nhân loại: vô thức tập thể” [2, Tr.16], thì từ góc nhìn của các nhà nghiên cứu Văn hóa học: biểu tượng là một đối tượng nghiên cứu cơ bản; là biến thể của chủ thể mẫu gốc ở cấp độ văn hóa. C. Lesvy - Strauss đã chỉ ra: “Mọi nền văn hóa đều có thể xem như một tập hợp các hệ thống biểu tượng trong đó xếp ở hàng đầu là ngữ ngôn, các qui tắc hôn nhân, các quan hệ kinh tế, nghệ thuật, khoa học, tôn giáo” [1, Tr.XXIII]. *Toàn thư quốc tế về phát triển văn hóa* của UNESCO viết: “Văn hóa là tập hợp các hệ thống biểu tượng, nó quy định thế ứng xử của con người và làm cho một số đông người có thể giao tiếp với nhau, liên kết họ thành một cộng đồng riêng biệt”. “Biểu tượng - một loại kí hiệu đặc biệt, thể hiện nội dung thực tế của một điều nào đó. Biểu tượng văn hóa khác kí hiệu thông thường ở chỗ chứa đựng mối liên hệ tâm lí với tồn tại mà nó biểu trưng” [3, Tr.50].

Như vậy, Biểu tượng chính là “*ngôn ngữ tượng trưng*” chỉ có ở loài người và là “*tế bào*” của văn hóa. Cho nên tìm hiểu biểu tượng cũng là tìm hiểu về văn hóa, biểu tượng luôn thể hiện tính quan niệm và mọi vật đều có thể mang giá trị biểu tượng. Và giá trị văn hóa của một dân tộc, cộng đồng người luôn được kết tinh trong biểu tượng. Giải mã biểu tượng chính là con đường tiếp cận những giá trị văn hóa của mỗi dân tộc, cộng đồng người đó.

2. Đôi nét về người Thái ở Tây Bắc

Việt Nam có 54 dân tộc anh em cùng sinh sống trên dải đất hình chữ S, tạo lên một bức tranh văn hóa đa màu sắc, giàu âm thanh. Mỗi dân tộc có một cách thức tổ chức môi trường sống khác nhau, nét văn hóa riêng biệt.

Theo thống kê tổng điều tra dân số và nhà ở trên toàn quốc năm 2009, người Thái ở nước ta có 1.550.423 người, có dân số đứng thứ ba tại Việt Nam, và có mặt ở hầu hết trên các tỉnh, thành phố nước ta. Người Thái phân thành hai ngành: Thái Đen (Tay (Thay) Đăm), Thái Trắng (Tay Đón). Họ có ngôn ngữ và văn tự riêng, và vẫn được lưu truyền và gìn giữ đến tận ngày nay.

Tây Bắc có vị trí chiến lược đặc biệt của đất nước ta, là vùng phen giậu của Tổ quốc, là địa bàn sinh sống của hơn 30 dân tộc anh em. Trong đó, dân tộc Thái có số lượng nhân khẩu chỉ sau người Kinh. Dân tộc Thái ở Việt Nam khởi nguồn sinh sống ở khu vực Mường Lò thuộc tỉnh Yên Bái. Từ đó phát triển ra các tỉnh Tây Bắc như Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hòa Bình rồi vào tới miền Trung như Thanh Hóa, Nghệ An,... Nhưng dân cư tập trung đông nhất là ở Tây Bắc. “Xứ sở hoa ban”, “xứ sở hoa đào” là những mỹ danh được dân gian dành tặng cho Tây Bắc. Mảnh đất này đã được tạo hóa ưu ái, ban cho cảnh quan thiên nhiên vô cùng tuyệt mỹ. Cứ mỗi độ xuân về, Tây Bắc như được trải một thảm hoa trắng điểm nhụy hồng trải dài trên khắp triền núi, triền sông:

“Hoa ban nở thành người con gái Thái,
Đám mây bay trong thau nước gội đầu,...
Nơi vách đá còn ghi bia Lê Lợi
Lịch sử ngược sông Đà, nước réo tiếng
gương xưa
Em đứng đó mỉm cười khi anh hỏi
Như hoa ban chỉ nở lúc sang mùa”.

(Gửi Lai Châu - Trần Mạnh Hào)

Cộng đồng người Thái sống thành từng bản, mường; ở những thung lũng, gần sông suối. Họ sống hài hòa với thiên nhiên, nương tựa thiên nhiên để canh tác, sinh hoạt. Nước đã trở thành một biểu tượng sống động trong tín ngưỡng của người Thái.

Nét văn hóa độc đáo của người Thái được thể hiện qua trang phục, lễ hội, các làn điệu dân ca, sử thi, truyện cổ, âm thực,... góp phần làm nên sự đa dạng về bản sắc văn hóa của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Từ bao đời nay không gian văn hóa ở đồng bào Thái Tây Bắc thường gắn với câu nói: Ăn cơm nếp, uống rượu cần, mặc xửa cóm, ở nhà sàn, múa xòe hoa. Đây là những nét văn hóa đặc trưng của người Thái. Người dân Tây Bắc nói chung, người Thái Tây Bắc nói riêng cần cù, hiền hậu, hiếu khách, anh dũng, kiên cường... Đồng bào dân tộc Thái một lòng đi theo Đảng, giữ vững và phát huy các giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc mình góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển Tây Bắc ngày càng giàu đẹp.

Trong suốt quá trình lịch sử hình thành và phát triển, dân tộc Thái cùng với các dân tộc vùng Tây Bắc, Việt Nam đã chung sức, đồng lòng xây dựng quê hương. Có thể nói, Tây Bắc chính là nơi sản sinh, lưu truyền một nền văn hóa dân gian Thái vô cùng đặc sắc. Những điệu xòe cuồng say, câu khắp ngân nga, tiếng đàn tính réo rất làm say đắm lòng người,... Tất cả đã làm lên hương sắc của núi rừng Tây Bắc.

3. Nước biểu trưng cho sự sống

Trong *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, nước được xem như là một khối vật chất chưa phân hóa, là hình tượng của số lượng vô cùng lớn của những khả năng diễn biến, chứa đựng toàn bộ cái tiềm tàng, cái phi hình, cái mầm mống của mọi mầm mống, tất cả mọi hứa hẹn của sự phát triển, nhưng cũng chứa đựng mọi mối đe dọa bị tiêu tan. Xuất phát từ việc quan sát trực tiếp sự vật, Ta Lét (624 - 547 trước công nguyên) đã chỉ ra rằng: nước giữ vai trò

vô cùng quan trọng trong tự nhiên cũng như trong đời sống con người. Ông nhận thấy thức ăn của mọi sinh vật đều ẩm ướt, hạt giống của tất cả mọi vật đều có bản chất ẩm ướt mà nguồn gốc của các vật thể luôn ẩm ướt chính là nước, không có nước thì không có gì cả. Vì thế ông viết: “Nước là yếu tố đầu tiên, là bản nguyên của mọi vật, tất cả bắt đầu từ nước, rồi lại trở về yếu tố cuối cùng là nước”. Như vậy, theo Ta Lét: Vật chất (nước) vận động vĩnh viễn. Ngay từ thời cổ đại các nhà hiền triết đã phát hiện ra được tính năng của nước đối với vạn vật.

Không chỉ dừng lại ở đây, nước còn đi vào trong tâm thức văn hóa của các dân tộc, tộc người trên thế giới. Với tư duy của người Dogon và người Bambara, nước là sức sống mang mầm sống “là tinh dịch của trời, cũng là ánh sáng, lời nói, là ngôn từ sinh sản mà hóa thân huyền thoại chính, là hình xoắn ốc bằng đồng đỏ” [1, Tr.50]. Theo truyền thuyết, tộc người Thái ở nước ta ban đầu sinh sống ở rừng, ngủ hang; sống theo bầy; hái quả, bắt muông thú, mò cua bắt cá, ốc, ếch ở các ven suối để ăn.

Sống bằng nghề nông nên người Thái thường dựng bản ở thung lũng bằng, thấp, gần các con suối, nơi có nước nguồn sạch dùng để ăn uống và lấy nước để gieo trồng, cây lúa. Nước nguồn mà người Thái gọi là “nằm bó” chảy đều quanh năm suốt tháng, không bao giờ bị vắn đục, nước mát và ngọt. Nó xuất phát từ các kẽ núi đá, hoặc từ lòng đất chảy ra. Nước rất tinh khiết nên người Thái thường lấy nước nguồn về uống trực tiếp chứ không cần đun sôi. Một trong những lí do nước nguồn chảy mãi không dừng là do nước đã được người Thái thiêng hóa. Họ tin rằng: những khu rừng đầu nguồn là vườn cây của thần nước - rừng thiêng nên không ai dám chặt phá. Các dòng nước nguồn dùng không hết thì chảy ra ruộng đồng và chảy ra suối. Nước suối không chỉ phục vụ nhu cầu tắm rửa, giặt giũ hay tưới tiêu cho đồng ruộng để có thóc đầy bồ, mà nó còn cung cấp nhiều thực phẩm tươi ngon như cá,

tôm, cua, ốc, rêu,... Truyện *Gốc tích bốn mùa trong năm* có kể: Sau khi bà mẹ “mế bầu, mế nạng” nặn ra giống người và thả xuống trần gian, do không có gì để ăn và uống nên con người đói khát. Họ kêu khóc thảm thiết thấu tận mường Trời. Vua Then và các vị thần bàn bạc rồi quyết định thả các loại cây lương thực, củ, cây gỗ, rau rừng, loài vật, nước xuống trần gian để cho con người sống được. Song, họ phân vân không biết nên chọn loài vật nào là quan trọng nhất giúp nuôi sống con người. Nhiều loài vật ứng cử, cuối cùng Then chọn cá. Vì chỉ họ hàng nhà cá mới có thể giúp nuôi con người sống một cách khỏe mạnh. Họ hàng nhà cá có “muôn vạn con cá mẹ; mỗi con cá mẹ lại có chín bọc trứng; mỗi bọc trứng có chín vạn con; một vạn con sau này lại có thể sinh ra chín mươi vạn con cá mẹ khác” [4, Tr.343].

Từ xa xưa, người Thái đã tôn thờ thần nước. Hằng năm, họ làm lễ tế thần nguồn nước. Người ta tin rằng thần nước luôn che chở, phù hộ cho họ có mùa màng tốt tươi, có lúa gạo nuôi sống con người, có nước để phục vụ sinh hoạt hằng ngày. Truyện *Quả bầu đá kể rằng*: Then (trời) cho giống người từ trong mẹ bầu đá sinh ra, có một mỏ nước tắm thai nhi là “Bó nằm hôộc” chảy thành suối “Huổi hôộc” dẫn xuống một cái ao “Nong Huổi Hai”. Để tưởng nhớ công lao to lớn của mẹ, người Thái đã dùng quả bầu nậm đựng nước đặt ở gian thờ tổ tiên trong nhà. Tương truyền, sau khi sinh ra loài người, quả bầu mẹ đã hóa đá. Tại nơi có quả bầu đá đó, người Thái đã đến đây sinh cơ lập nghiệp, dựng bản mang tên Quả Bầu (bản Tấu Pung) nay thuộc xã Nà Tấu, huyện Điện Biên. Ý thức được tầm quan trọng của nước, người xưa thường răn dạy con cháu bản, mường:

“Làm nương bát ngát không bằng ruộng
một thửa
Làm nương, năm được tậu trâu, năm phải
bán con”
[6, Tr.20]

Câu tục ngữ đã truyền tải kinh nghiệm cho con cháu người Thái: không nên làm nương rẫy trên rừng, vì không chắc được thu hoạch, có khi còn bị mất trắng do phải phụ thuộc vào nguồn nước thiên nhiên - nước mưa. Còn làm ruộng thì có nhiều thuận lợi, có thể chủ động được việc tưới tiêu do ruộng gần sông, suối nên tiện lấy nước vào ruộng để cấy cày; khi thừa nước thì tháo cho chảy đi,... nên chắc chắn sẽ gặt hái được mùa bội thu.

Từ việc nhận thức được vai trò của nước trong hoạt động mưu sinh, nước đi vào trong tâm thức người Thái như một lễ thường tình. Họ thành kính và sùng bái nước trong tín ngưỡng và nghi lễ: ở lễ cúng lễ mừng có lễ “Tế phi bố - cấp” tế thần đầu nguồn nước bằng trâu đen và lợn; trong lễ cúng bản thì có lễ “tế - ta” tế thần bến nước. Trong văn tế thần nguồn nước của người Thái đen vùng Tây Bắc có đoạn:

“Ôn Then Gió ban cho mưa thuận hòa ban
cho vừa đủ

Ôn thần nguồn nước bao la
Ôn thần đất cho dân cấy cày lúa bội thu
Bè tôi không quên công ơn đóa cây nhỏ
bông sen

Các Thánh thần chủ ngai đền ngài lớn”
Tạ ơn Thiên Triều sinh ra đất và loài cỏ cây
Lập nên bầu trời cao hình chiếc nấm
Lập thành vùng chín dòng sông suối
Lập nên vùng cửa sông Đà chảy vào sông Thao
Lạy Then trên Thiên đình nom đến”.

[6, Tr. 193-194]

Lời văn tế cho người nay biết được nơi cư trú của người Thái ở trong lưu vực chín con sông: Nậm Lò (sông Lô), Nậm Xang (sông Gâm), Nậm Cháy - Nậm Cả (sông Chảy), Nậm Tao (sông Thao), Nậm Te (sông Đà), Nậm Ma (sông Mã), Nậm Dôm - Núa (sông Nậm Rôm), Nậm U (sông Nậm U), Nậm Khoong (sông Mê Kông). Hai con sông Nậm U, Mê Kông nay

thuộc đất Lào; ba con sông: Lô, Gâm, Chảy thuộc vùng Đông Bắc nước ta; bốn con sông: Rôm, Mã, Đà, Thao thuộc vùng Tây Bắc của nước ta. Và cũng cho chúng ta thấy được vì sao người Thái lại tôn sùng nước đến thế.

Việc cưới xin của người Thái được ghi chép lại thành văn bản và còn lưu giữ đến ngày nay. Luật tục này viết rõ về lễ cưới của hai lớp người trong xã hội thời phong kiến: “tạo lấy nàng” và thường dân lấy nhau. Trong lễ “Cưới lên” của “tạo lấy nàng” (lễ cưới mà người chồng và người vợ đều thuộc tầng lớp trên - con của phía tạo hoặc bản thân người chồng đã lên làm phía, cai quản dân toàn mường) có tục tế nước vờ ngăn cản đoàn mới nhà trai không cho vào mường. Còn ở lễ “Cưới xuống” có tục: khi đón dâu về, phía nhà trai tổ chức lễ “khay tu mường” mở cửa mường. Trong lễ này có khá nhiều mâm cúng. Có thể kể đến mâm cỗ thịt trâu cúng “châu bố nậm” chủ nguồn nước chảy giữa mường là loài thông luồng (rồng nước); một mâm cỗ thịt gà cúng thần khe núi, suối lạch;...

Người Thái luôn tỏ lòng biết ơn, kính trọng và tôn sùng nước nên từ xa xưa đã có lệ tế thần nước. Họ coi nước là một trong những vị thần tối cao đem lại sự sống cho con người.

4. Nước biểu trưng cho sự thanh tẩy và tái sinh

Trong tiềm thức con người từ xưa đến nay, nước có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Nó không chỉ là nguồn sống, mà còn là biểu tượng cho những năng lượng vô thức, cũng như biểu tượng cho đời sống tâm linh. Trong dòng chảy văn hóa của người Thái, nước còn biểu trưng cho sự thanh tẩy và sự tái sinh.

Trước hết, nước trong tâm thức của tộc người Thái giúp họ gột rửa đi những nỗi buồn đau ở đời, khiến họ vui sống. Câu chuyện cổ tích *Chàng Cáp Láng* là một minh chứng: Cáp Láng sinh ra trong một gia đình nghèo khó,

nhưng có biệt tài kéo nhị. Chàng được con gái vua đem lòng yêu mến. Vì muốn có chút của cải trước khi cưới vợ nên anh quyết định đi buôn xa cùng Ké Thi - kẻ luôn ghen tị với anh. Ké Thi đã lừa và đẩy Cáp Láng xuống hang trần tinh. Ở dưới hang sâu, chàng tìm mọi cách để thoát ra nhưng không được. Tối đến, chàng lại bị đàn dơi xà xuống, mổ ăn thịt. Sau ba tháng chàng được vợ chồng Then (Ngọc Hoàng) cứu ra và đưa lên mừng Trời cho làm việc canh nương. Do ba tháng không được tắm rửa, lại bị dơi ria thịt nên người chàng hôi hám, mũi đầy mủ, ... Một hôm, chàng đang ngủ thì có con quạ lao tới mổ, chàng nhanh tay tóm được quạ. Quạ van xin và hứa sẽ lấy nước hồi sinh cho chàng. Khi quạ mang nước hồi sinh tới, chàng liền vẩy nước hồi sinh khắp người, tự nhiên máu mũi hôi thối biến mất. Chàng trở lại trẻ, khỏe, đẹp hơn xưa. Chàng xin phép Ngọc Hoàng trở về trần gian tìm mẹ. Ngọc Hoàng đồng ý và cho chàng một bầu nước hồi sinh và dặn: “thấy vết thương hôi thối, vẩy nước hồi sinh vào sẽ khỏi, lành trở lại như xưa” [4, Tr.40].

Nước còn giúp gột rửa linh hồn để linh hồn được thanh sạch khi sang thế giới khác - mừng Then (mừng Trời). Tang ma của người Thái có tục: khi trong nhà có người chết thì người nhà sẽ đi kiếm lá cây thuốc về đun một nồi nước để ấm rồi tắm rửa cho người đã khuất. Dòng nước cuốn trôi cát bụi, một đời người trong chớp mắt hòa về với thiên nhiên. Thi thể được gột rửa trong dòng nước thanh khiết để về với cội nguồn. Sách *Quan tô Mường* viết: “Thời xưa thời xưa, khi Then Luông mới lần đầu tiên lập thành trời đất. Trời trên cao xanh bao la. Giữa trời và đất có một thân cột đi lại, lên xuống với nhau được. Trời đất hình thành trông tựa như một chiếc nắm khổng lồ. Lúc ấy trời đất khi mới hình thành còn nhão, lại nóng lắm. Sau nguội dần và cứng lại. Then cho mọc các loại cỏ cây um tùm trên mặt đất. Đất có chỗ bằng phẳng, có chỗ cao thành núi. Tại các nơi

chân núi Then cho khoét từ trong lòng đất có “nằm bó” nước nguồn chảy. Các nguồn nước chảy ra tụ kèm theo nước mưa từ các khe núi chảy xuống hợp thành các con suối. Các con suối nhỏ to, chảy hợp lại thành các con sông. Các con sông chảy dồn vào biển cả bao la. Khi đã hình thành trời cao và trái đất xong, Then thả cho giống người xuống sinh sống ở dưới trần gian”. Theo quan niệm của người Thái, con người trần được sinh ra từ mừng Then. Sau khi chết - kết thúc một chặng đường dài sinh sống ở mừng Trần gian, linh hồn của họ lại trở về với nơi họ sinh khởi là mừng Then.

Thêm nữa, dòng nước đã thanh tẩy đi mọi nỗi sợ hãi giúp con người đủ dũng khí để trở về với khởi nguyên, với thế giới cực lạc. Nếu như người Mường có quan niệm về ba thế giới: Trần gian, Ma và Trời thì người Thái chỉ tin là có hai thế giới khác biệt: mừng Trần gian và mừng Then (mừng Trời). Khi còn sống, thể xác và linh hồn của tộc người Thái neo đậu ở mừng Trần gian - nơi vui vẻ, ấm áp tình người: nam thanh nữ tú thường dựng “Hạ khuông” vui chơi, hát ca, múa xòe mỗi đêm; họ say với chum rượu cần mỗi dịp lễ tết, hiếu, hi. Còn lúc chết đi, người Thái quan niệm: con người chỉ còn lại phân hồn. Linh hồn của người chết được thầy Mo dẫn lối để đến với thế giới của mừng Then - thế giới cực lạc. Có thể nói, đoạn đường đi tới mừng Trời chủ yếu đi qua sông, suối, thác ghềnh. Ngăn giữa hai thế giới này là một con sông dài, có nhiều khúc đoạn. Sông đó có tên là sông Ta Khái. Phải vượt qua sông Ta Khái thì linh hồn người Thái mới đến được đất của mừng Trời:

“Nghe ào ào phía trước - tiếng gió
Nghe âm âm dưới chân núi Khâu Côm -
tiếng sông Ta Khái”

[7, Tr.373]

Con sông Ta Khái hiện lên trước mắt người chết là một con sông hung dữ: nước cuộn cuộn

chảy xiết, nhiều thác ghềnh, nhiều chỗ nước xoáy mạnh, bao chứa trong lòng nó là muôn loài thủy quái như thường luồng, rắn,... tất cả chỉ như chực nuốt chửng mọi thứ đi ngang qua nó. Linh hồn người chết đủ dũng khí tự khắc qua sông.

Tuy nhiên, mừng Trời rất rộng nên họ phải tiếp tục vượt qua con sông Cưới thì mới đến được xứ sở của Then Luông - vị thần nắm quyền tối cao trên trời, của các Then Hung, Then Khao, Then Hom, Then Thóng:

“Ta lên với ba chàng thả lưới câu
Bảy chàng ở bên đò sông Cưới”

[7, Tr.374]

Như vậy, con người muốn sang được thế giới khác - mừng Then thì nhất định phải vượt qua được con sông Ta Khái; còn để đến được nơi cao nhất ở mừng Then thì phải được con sông Cưới tắm rửa. Đó là những dòng sông thiêng, dòng sông thần, dòng sông đã được nhìn qua lăng kính tâm thức của người Thái ở Tây Bắc. Nó có chức năng thanh tẩy mọi tội lỗi, mọi khổ đau, sự sợ hãi,... để khi con người trở về với nguồn cội với một linh hồn thanh sạch. Ai chưa được dòng sông Ta Khái gột rửa thì người đó chưa đủ tư cách để trở về, để sang mừng Trời, để tái sinh. Có thể nói, dòng sông là một biểu tượng đa nghĩa bởi vì nó tương ứng với quyền năng sáng tạo của cả tự nhiên lẫn thời gian. Một mặt, nó biểu thị cho sự màu mỡ và việc tưới tiêu đều đặn cho đất đai; mặt khác nó biểu trưng cho dòng thời gian bất khả qui hồi.

Nước xét từ cội nguồn văn hóa người Thái ở Tây Bắc là biểu tượng của tinh khiết, thiêng liêng; biểu tượng của sự sống, của sự tái sinh; là cội nguồn của cuộc sống nội tâm và năng lượng tinh thần lớn.

Tóm lại: Theo bước chân của dòng chảy văn hóa, chúng ta nhận thấy nước trong tâm thức văn hóa của người Thái không chỉ là biểu tượng của sự sống, mà còn là phương tiện thanh tẩy, sự tái sinh. Nước là gốc của vạn vật, là nơi mà con người cùng muôn vật ngưỡng vọng và hướng về. Nghiên cứu biểu tượng nước trong đời sống văn hóa của người Thái ở Tây Bắc đã cho ta cái nhìn sâu sắc về văn hóa của tộc người Thái. Nước không đơn thuần là cái vỏ hình thức bên ngoài của nó mà là biểu tượng văn hóa của cộng đồng người Thái trong nền văn hóa Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Jean Chevalier, Alain Gheerbrant (1997), *Từ điển văn hóa Thế giới*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [2]. S.Freud, C.Jung, E.Frommm (2004), *Phân tâm học và văn hóa nghệ thuật*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [3]. Lê Nguyên Cẩn (2014), *Tiếp cận văn học từ góc nhìn văn hóa*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [4]. Lương Thị Đại (2014), *Truyện cổ dân gian dân tộc Thái tỉnh Điện Biên* (Quyển 1), Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Văn Hòa (2009), *Quan tô mừng*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [6]. Nguyễn Văn Hòa (2013), *Tục lập bản mừng và lễ tế thần núi, thần nguồn nước của người Thái đen vùng Tây Bắc*, Nxb Thời đại, Hà Nội.
- [7]. Nguyễn Thị Bích Hà (2013), *Nghiên cứu văn học dân gian từ mã văn hóa dân gian*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.